

Bản án số: **16/2020/HSST**

Ngày: 05/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lương H Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/HSST ngày 19 tháng 03 năm 2020, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 22/4/2020 đối với bị cáo:

*** Lê Nam D**, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1977, tại tỉnh Y

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Tổ 13, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Đăng D, sinh năm 1950 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951. Hiện đang trú tại tổ 13, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án, ngày 21/11/1997 bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt tù chung thân về tội “Giết người”; 14 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” và 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội là tù chung thân, ngày 28/7/2015 chấp hành xong hình phạt (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái - Có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Chị Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHTT: Thôn 02, xã H, Hện T, tỉnh Y.

Chỗ ở: Tổ 13, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y; Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đào Văn Q, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 12, Phường Đ, thành phố Y, tỉnh Y; Có mặt.

*** Người làm chứng:** Châu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh năm 2010.

Nơi ĐKKHTT: Thôn 2, xã H, Huyện T, tỉnh Y.

Chỗ ở: Tổ 13, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y; Có mặt

* *Người giám hộ cho người làm chứng* (cháu H): Chị Hoàng Thị Thúy T, sinh năm 1984 (bác của cháu H). Địa chỉ: Thôn 02, xã H, Huyện T, tỉnh Y; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17/02/2020, Lê Nam D đang ở nhà của mình thì nhìn thấy chị Hoàng Thị T, có hộ khẩu thường trú tại thôn 02, xã H, Huyện T, tỉnh Y đang ở nhà thuê sát cạnh nhà D, khóa cửa ngoài và điều khiển xe ô tô đi, nên D đã nảy sinh ý định sang nhà chị T để trộm cắp tài sản, để thực hiện ý đồ, D đã trèo lên bờ tường rào ngăn cách giữa nhà mình và nhà chị T, rồi chui qua rào sắt, sát mái che nhảy xuống sân nhà chị T mở cửa đi vào trong nhà. Lúc này có cháu Nguyễn Hoàng Gia H đang ngồi học bài. D quan sát thấy tại phòng khách có đặt nhiều thùng giấy cát tông chồng lên nhau, D thấy trên nóc một thùng giấy có để 02 (hai) chiếc điện thoại di động (một chiếc nhãn hiệu Samsung, một chiếc nhãn hiệu Iphone). D đã lấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy M20 của chị T cho vào túi quần, rồi khép cửa lại đi ra sân, trèo lên tường theo lối cũ để về nhà. Sau khi lấy được tài sản, D thuê xe ôm đi đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của anh Đào Văn Q, bán chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt cho anh Q được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Sau đó D tiếp tục thuê xe ôm chở đến khu vực ngã tư Nam Cường, thuộc phường Nguyễn Thái Học, thành phố Y và dùng điện thoại của mình gọi cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, hỏi mua 02 (hai) gói ma túy (Heroine) hết 400.000 đồng. Có được ma túy, D đi đến một ngõ nhỏ trên đường Lê Hồng Phong, sử dụng hết số ma túy vừa mua trên bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể, số tiền còn lại D đã chi tiêu hết. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, D bị Công an phường Y, thành phố Y, tỉnh Y triệu tập đến để làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Y kết luận: “01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20. Tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là: 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)”.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nam D thành khẩn khai nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Bản cáo trạng số 19/CT - VKSTP ngày 18/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y truy tố bị cáo Lê Nam D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Nam D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại - chị Hoàng Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là chiếc điện thoại Samsung Galaxy M20, không yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên không xét.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Đào Văn Q là người đã mua chiếc điện thoại di động do bị cáo D chiếm đoạt của chị T với số tiền là 500.000đồng, anh Q không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường nên không xét.

- Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi Trộm cắp tài sản do bản thân thực hiện là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng lúc chủ nhà đi vắng, ngày 17/02/2020 Lê Nam D đã đột nhập vào nơi ở của chị Hoàng Thị T (tại tổ 13, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y) chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M20, trị giá là 1.500.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 1.500.000đồng, do bị cáo thực hiện tuy dưới mức tối thiểu về định lượng (dưới 2.000.000đồng) quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, nhưng do bị cáo có 01 tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa, nên hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Y truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Lê Nam D là người có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân, song lười lao động, không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy. Năm 1997, bị Tòa án nhân dân tối cao kết án tù chung thân về các tội Giết người; Cướp tài sản của công dân; Cướp giạt tài sản của công dân. Sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo không lấy đó làm bài học, để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Tính đến ngày thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo vẫn chưa được xóa án tích. Qua đó thể hiện sự coi thường pháp luật, sự tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân của bị cáo là rất kém, vì vậy cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét việc bị thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái. Bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản, thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại - chị Hoàng Thị T vắng mặt, nhưng có lời khai trong hồ sơ, chị đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Samsung Galaxy M20, chị không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Đào Văn Q mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy M20 từ bị cáo D, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên là giao dịch ngay tình. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái không xử lý về hình sự đối với Q là phù hợp. Tại phiên tòa, anh Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 500.000đồng (khoản tiền anh bỏ ra mua điện thoại), nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, nên không xét.

[10] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[11] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Nam D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Nam D **01** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2020.(Ngày tạm giam bị cáo).

3.Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Nam D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS: Bị cáo Lê Nam D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đào Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại (Hoàng Thị T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKS tỉnh Y;
- VKSND TPYB;
- CATPYB;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người bị hại (1);
- Người liên quan (1);
- Người làm chứng (1);
- Sở tư pháp tỉnh Y;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NV CATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

